TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **241**/2026/DS-ST
Ngày: 20/7/2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Hương Giang

Bà Nguyễn Kim Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 3284/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 531/2026/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 348/2026/QĐST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1964; Địa chỉ: 3 Đ, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1967; Địa chỉ: A Đ, Phường K, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong Đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 12 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Bích N trình bày:

Ngày 07/02/2013, nguyên đơn có cho bị đơn vay 01 lượng vàng SJC 9999 theo Giấy vay nợ vàng. Sau đó, nguyên đơn có yêu cầu bị đơn thanh toán vì đến hạn. Tuy nhiên, bị đơn có gặp nguyên đơn để thương lượng và vay thêm tiền bao gồm: Ngày 19/4/2013, bị đơn vay 16.000.000 đồng; Ngày 02/6/2014, bị đơn

vay 90.000.000 đồng, có chữ ký của bà Lê Thị Mỹ T1, là vợ của ông Nguyễn Chí T, để tạo tin tưởng nhưng nguyên đơn chỉ giao tiền trực tiếp cho bị đơn; Ngày 22/11/2013, bị đơn vay 20.000.000 đồng; Ngày 25/11/2013, bị đơn vay 20.000.000 đồng. Hai bên cho vay nhưng không thỏa thuận lãi suất.

Tuy nhiên đến nay đến hạn thanh toán nhưng bị đơn cố tình tránh mặt nguyên đơn và không thanh toán cho nguyên đơn bất kỳ số tiền nào.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu như sau: Yêu cầu ông Nguyễn Chí T trả số tiền vay cho nguyên đơn là 01 lượng vàng SJC 9999 theo Giấy vay nợ vàng ngày 07/02/2013, 16.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 19/4/2013, 90.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 02/6/2014, 20.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 22/11/2013, 20.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 25/11/2013, tổng cộng 01 lượng vàng SJC 9999 và 146.000.000 đồng và tiền lãi trên số tiền 146.000.000 đồng là 295.800.000 đồng.

- Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay cho nguyên đơn là 01 lượng vàng SJC 9999 theo Giấy vay nợ vàng ngày 07/02/2013, và 146.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 19/4/2013, Giấy mượn tiền ngày 02/6/2014, Giấy vay tiền ngày 22/11/2013, Giấy vay tiền ngày 25/11/2013 và rút yêu cầu tiền lãi là 295.800.000 đồng trên số tiền 146.000.000 đồng.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn là ông Nguyễn Chí T cư trú tại phường K, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Uỷ ban

Thường vụ Quốc hội, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quan điểm của mình, cũng như không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Bị đơn phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ được quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

[3] Về nội dung vụ án: Theo Giấy vay nợ vàng ngày 07/02/2013; Giấy mượn tiền ngày 19/4/2013; Giấy mượn tiền ngày 02/6/2014; Giấy vay tiền ngày 22/11/2013; Giấy vay tiền ngày 25/11/2013 có cơ sở xác định bị đơn có vay và còn nợ nguyên đơn 01 lượng vàng SJC 9999 và 146.000.000 đồng.

[4] Căn cứ vào Điều 471 của quy định "Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định" và tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại, đúng số lượng, chất lượng".

[5] Xét Giấy mượn tiền đề ngày 02/6/2014 có chữ ký của bà Lê Thị Mỹ T1 và ông Nguyễn Chí T. Theo trình bày của nguyên đơn xác nhận nguyên đơn cho vay bị đơn và giao tiền trực tiếp cho bị đơn, bà T1 ký giấy mượn tiền ngày 02/6/2014 là để tạo tin tưởng. Theo nội dung Giấy mượn tiền chỉ có nội dung bị đơn vay 90.000.000 đồng của nguyên đơn, không có nội dung bà Lê Thị Mỹ T1 vay nguyên đơn số tiền trên và nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền này cho nguyên đơn. Như vậy, việc vay tiền theo Giấy mượn tiền ngày 02/6/2014 được xác định là giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn.

[6] Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn 01 lượng vàng SJC 9999 theo Giấy vay nợ vàng ngày 07/02/2013. Quy đổi ra tiền Việt Nam đồng theo giá bán ra của tiệm vàng tại địa phương tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 146.000.000 đồng/01 lượng vàng SJC 9999 và 146.000.000 đồng nợ gốc theo Giấy mượn tiền ngày 19/4/2013; Giấy mượn tiền ngày 02/6/2014; Giấy vay tiền ngày 22/11/2013; Giấy vay tiền ngày 25/11/2013 là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận.

[7] Như đã phân tích, việc bị đơn giữ số tiền vay của nguyên đơn trong thời gian dài là gây thiệt hại cho nguyên đơn, tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả nợ gốc, rút lại yêu cầu tính lãi là có lợi cho bị đơn, là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 68, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích N,

Buộc ông Nguyễn Chí T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Bích N 01 lượng vàng SJC 9999. Quy đổi ra tiền Việt Nam đồng theo giá bán ra của tiệm vàng tại địa phương tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 146.000.000 đồng theo Giấy vay nợ vàng ngày 07/02/2013.

Buộc ông Nguyễn Chí T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Bích N tổng cộng 146.000.000 đồng bao gồm 16.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 19/4/2013, 90.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 02/6/2014, 20.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 22/11/2013, 20.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 25/11/2013.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc ông Nguyễn Chí T trả số tiền lãi là 295.800.000 đồng.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Chí T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.600.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể

từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 36, Điều 71 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TAND KHU VỰC 1

3YG200726.TL.QDBA
22689

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Mai